

Bản án số 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-7-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Ông Triệu Văn Huân.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 46/2024/QĐST -HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ph** 35 tuổi

Địa chỉ: Thôn 7 xã TL- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh **Triệu Minh Đ** 39 tuổi

Địa chỉ: Thôn 7 xã TL- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19-4-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị Ph trình bày: Chị và anh Triệu Minh Đ về chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đến tháng 10 năm 2014 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TL- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế; anh Đ có mối quan hệ với người khác, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và có hành vi bạo lực... Vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi, chửi nhau, có lần anh Đ đập phá đồ đạc, đốt cả sổ bảo hiểm của chị, thậm chí đánh, dọa nạt chị; gia đình không thể khuyên nhủ được anh Đ. Hiện tại hai người sống ly thân, xác định vợ chồng không còn tình cảm chị đề

ngợi giải quyết cho ly hôn. Chị và anh Triệu Minh Đ có một con chung là Triệu Hải Đ1 sinh ngày 22-8-2014 hiện đang ở cùng mẹ và bà ngoại. Ly hôn chị sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm công ty tại Vĩnh Phúc, thu nhập bình quân hàng tháng từ 9 triệu đồng đến 10 triệu đồng, nếu được quyền nuôi con chị sẽ gửi bà ngoại trực tiếp trông nom, chăm sóc hộ vì cháu Đ1 ở với bà ngoại từ bé, hàng tháng chị sẽ gửi tiền về để bà chăm lo cho cháu. Mẹ chị còn khỏe, hiện đang ở một mình, gia đình không thuộc diện hộ nghèo. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong các lời khai bị đơn là anh Triệu Minh Đ trình bày cơ bản như lời khai của chị Ph, anh cũng thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhưng không có gì nghiêm trọng. Ngày 10-4-2024 xuất phát từ việc lật vạt vợ chồng có xảy ra cãi nhau, anh có lấy hộp keo xịt tóc ném chị Ph, do chị Ph thách thức, kích động nên anh có đốt sổ bảo hiểm của vợ. Từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân. Nay xác định vẫn còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, nếu ly hôn anh sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Hải Đ1, không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm tự do tại địa Ph, công việc cụ thể là tổ chức sự kiện, ngoài ra còn chạy xe thuê; thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10 triệu đồng. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Trần Thị Ph được ly hôn với anh Triệu Minh Đ. Giao con chung là Triệu Hải Đ1 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị Ph và anh Triệu Minh Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã TL- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và anh Triệu Minh Đ kết hôn năm 2014, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh tại địa Ph cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị Ph- anh Đ không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... dẫn đến nhiều lần xảy ra cãi vã, thậm chí xô xát. Bản thân anh Đ khẳng định vẫn còn tình cảm, mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Đ cũng không có mặt tham gia các phiên hoà giải. Chị Trần Thị Ph khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Ph và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ph có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ph và anh Triệu Minh Đ có một cháu là Triệu Hải Đ1 sinh ngày 22-8-2014 hiện đang ở cùng mẹ và bà ngoại. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự không thoả thuận được, cả chị Ph và anh Đ đều đề nghị được nuôi cháu Đ1 và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Phải khẳng định nguyện vọng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, xét điều kiện, khả năng nuôi con của các đương sự thấy rằng:

Kết quả xác minh cho thấy cháu Triệu Hải Đ1 ở cùng mẹ và bà ngoại từ bé. Gia đình bà Hà Thị Thành- mẹ đẻ chị Ph không thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo. Nhiều năm qua việc tạo lập kinh tế trong gia đình chủ yếu là do chị Ph; anh Đ công việc không được ổn định. Tại địa Ph việc đi lại học hành của cháu Đ1 thuận lợi.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp;*

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Tại phiên toà chị Ph cung cấp phiếu lương các tháng 3, 4, 5 tại công ty Coasia với mức thu nhập từ 9 triệu đồng đến 11 triệu đồng. Anh Đ khẳng định hiện tại đang làm công việc tổ chức sự kiện, ngoài ra còn lái xe thuê, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng, tuy nhiên anh Đ không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh điều kiện kinh tế, khả năng nuôi con chung.

Trong biên bản lấy lời khai cháu Đ1 có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét toàn diện thì chị Ph có điều kiện nuôi con tốt hơn. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cần giao con chung cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do chị Ph không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Ph phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Ph được ly hôn với anh Triệu Minh Đ.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao Triệu Hải Đ1 sinh ngày 22-8-2014 cho chị Trần Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Triệu Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

chị Trần Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Ph đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001710 ngày 19-4-2024.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô